

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
----\*\*\*----

## **HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER**  
**HƯƠNG DỪA**

**TCCS 39/VDN/2025**

**CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM**

**Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

**Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138**

**Email: [d1-hha@vedaninternational.com](mailto:d1-hha@vedaninternational.com)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 39/VDN/2025

### I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

### II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt hướng dương ChaCheer hương dừa

2. Thành phần: Hạt hướng dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dừa tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

5 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao bì 19BOPP/12PET/100PE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: QIAQIA FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: Lianhua Road, Economic & Technological Development Zone, Hefei 230601, China.

Xuất xứ: Trung Quốc.

### III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.



#### IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Hạt hướng dương ChaCheer hương dừa” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).
- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

*Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.*

*Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
Ni Chih Hao



# BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: QUẢ KHÔ	Số: TCCS 39/VDN/2025
	Sản phẩm: HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG DỪA	Có hiệu lực kể từ Ngày 21 tháng 10 năm 2025

## 1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan: Phù hợp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng hạt
2	Màu sắc	Đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi, vị	Đặc trưng của sản phẩm

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Phù hợp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	$\leq 5$
2	Năng lượng	Kcal/100g	$\leq 674$
3	Hàm lượng chất đạm	g/100g	$\geq 23,3$
4	Hàm lượng chất béo	g/100g	$\leq 63,7$
5	Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	$\leq 1188$
6	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	$\geq 2,5$

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$< 10^4$
2	Coliforms	CFU/g	$< 10$
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	$< 10$
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	$< 10$
5	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	$< 10^2$
6	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	$< 10^2$

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2

**1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin B <sub>1</sub>	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B <sub>1</sub> , B <sub>2</sub> , G <sub>1</sub> , G <sub>2</sub> )	µg/kg	4

**1.6. Các hóa chất không mong muốn khác:**

**Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp theo Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

**2. Thời hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Ngày sản xuất và hạn sử dụng:** Xem NSX, HSD trên bao bì sản phẩm.

**3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

**4. Thông tin cảnh báo:**

Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

**5. Nội dung ghi nhãn:**

Nội dung ghi nhãn phù hợp với:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

*Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Ni Chih Hao**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

**KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ**

**Sản phẩm: HẠT HƯỚNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG DỪA**

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
<ul style="list-style-type: none"><li>- Cảm quan (Trạng thái, màu sắc, mùi, vị)</li><li>- Độ ẩm</li><li>- Năng lượng</li><li>- Hàm lượng chất đạm</li><li>- Hàm lượng chất béo</li><li>- Hàm lượng Natri (Na)</li><li>- Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)</li><li>- Tổng số vi sinh vật hiếu khí</li><li>- <i>Coliforms</i></li><li>- <i>Escherichia coli</i></li><li>- <i>Clostridium perfringens</i></li><li>- <i>Bacillus cereus</i></li><li>- Tổng số nấm men, nấm mốc</li><li>- Hàm lượng Asen (As)</li><li>- Hàm lượng Chì (Pb)</li><li>- Hàm lượng Aflatoxin B<sub>1</sub></li><li>- Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B<sub>1</sub>, B<sub>2</sub>, G<sub>1</sub>, G<sub>2</sub>)</li></ul>	1 năm /1 lần	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
Ni Chih Hao

140 mm

# HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG DỪA

**Thành phần:** Hạt hướng dương (94,64%), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu dứa tổng hợp.

**Khối lượng tịnh:** 5 kg

**NSX, HSD:** Xem trên bao bì.

**Hướng dẫn sử dụng:** Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

**Nhà sản xuất:** QIAQIA FOOD CO., LTD.

**Địa chỉ:** Lianhua Road, Economic & Technological Development Zone, Hefei 230601, China

**Xuất xứ:** Trung Quốc

**Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Free Hotline:** 1800 599 902

**Website:** www.vedan.com.vn

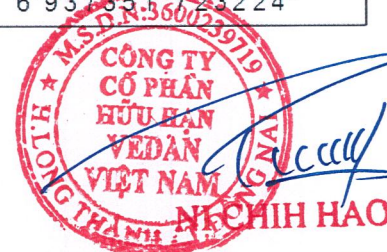
TCCS 39/VDN/2025

**Thành phần dinh dưỡng,  
giá trị dinh dưỡng**  
(có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≤	674 kcal
Chất đạm	≥	23.3 g
Carbohydrat	≥	2,5 g
Chất béo	≤	63.7 g
Natri	≤	1188 mg



6 937351723224



120 mm

KT3-06389BTP5

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

07/10/2025  
Page 01/03

1. Tên mẫu  
*Name of sample* : **HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG DỪA**  
(**LÓT NO. 15/07/2025-0515-1**)
2. Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and label.*
3. Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 16/09/2025
5. Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 17/09/2025 - 29/09/2025
6. Nơi gửi mẫu  
*Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**  
**VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD**  
**Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**  
**National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Dong Nai Province, Vietnam**
7. Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page 02 & 03/03*

**TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**HEAD OF FOOD TESTING LAB**



**Nguyễn Thành Công**

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**  
**HEAD OF TESTING LAB**



**Ngô Quốc Việt**

KT3-06389BTP5

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

07/10/2025  
 Page 02/03



7. Kết quả thử nghiệm :  
 Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Năng lượng/ <i>Calories</i> (*) <ul style="list-style-type: none"> <li>• kcal/100 g</li> </ul>	QTTN/KT3 024:2018		-	592
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QUATEST3 1057:2023 Kjeldahl method		-	25,2
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g <i>Carbohydrate content excluding fibre</i>	AOAC 2020.07		-	3,21
7.4. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Fat content</i>	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)		-	53,1
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g <i>Sodium content</i>	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	-		782
7.6. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	TCVN 8949:2011		-	0,29
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00x10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427:2010	1,00x10 <sup>-2</sup>		Nhỏ hơn 3,00 x 10 <sup>-2</sup> (2) <i>Less than</i>
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg <i>Aflatoxin B1 content</i>	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2), µg/kg <i>Total aflatoxin (B1+B2+G1+G2) content</i>	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .*  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-06389BTP5

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

07/10/2025

Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :  
*Test results*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013/ AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.12. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.13. <i>Escherichia coli</i> , CFU/g	ISO 16649-2:2001	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.14. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	TCVN 4991:2005	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.15. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts and moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.16. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive Bacillus cereus</i>	ISO 7932:2004 – Amd 1:2020	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.17. Cảm quan <sup>(*)</sup> / <i>Sensory test</i>	QTTN/KT3 234 : 2019			Dạng hạt <i>Granular</i> Đặc trưng của sản phẩm <i>Characteristic</i> Đặc trưng của sản phẩm <i>Characteristic</i> <i>Characteristic</i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trạng thái / <i>State</i></li> <li>• Màu sắc / <i>Color</i></li> <li>• Mùi vị / <i>Odor &amp; taste</i></li> </ul>				

**Ghi chú/ Note:** Hàm lượng protein/ *Protein* = 5,3 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*